

Dân ca xường của người Mường ở Thanh Hóa - tiếp cận từ góc độ văn học dân gian : Luận án TS / Mai Thị Hồng Hải : Nghd.: GS.TS. Lê Chí Quế . - H. : ĐHKHXH&NV, 2003 . - 401 tr. + 1 tóm tắt và 1 CD.

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xường là một thể loại dân ca tiêu biểu, một di sản văn hóa phi vật thể vốn tồn tại phổ biến và có một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của đồng bào Mường. Nó góp phần tạo nên diện mạo văn học dân gian Mường, một nguồn văn học dân gian vừa phong phú về mặt thể loại, vừa đồ sộ về số lượng và đa dạng về phong cách thể hiện. Tuy nhiên, do tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, nhiều thể loại văn học dân gian đang có nguy cơ bị lãng quên và mai một dần. Sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian hát xường cũng nằm trong tình cảnh chung đó. Bởi vậy đề tài "*Dân ca xường của người Mường ở Thanh Hóa - tiếp cận từ góc độ văn học dân gian*" chẳng những là công trình đầu tiên chuyên sâu về thể loại xường mà còn góp phần vào việc bảo tồn lưu giữ giá trị văn học dân gian cổ truyền của người Mường. Do đó, đề tài vừa có ý nghĩa khoa học vừa có ý nghĩa thực tiễn.

2. Lịch sử nghiên cứu của đề tài

Cho đến nay, tuy xường của người Mường ở Thanh Hóa chưa được dành cho một công trình nghiên cứu có tính chất chuyên luận, nhưng đã có những nhà sưu tầm, nghiên cứu đề cập đến nó ở một số phương diện. Trong công trình nghiên

cứu của mình, chúng tôi đã tạm chia những vấn đề có liên quan đến tình hình nghiên cứu đề tài làm hai loại.

2.1. Về tư liệu

Kể từ năm 1964, thực hiện chủ trương sưu tầm, giới thiệu văn hóa Mường do Ty Văn hóa Thanh Hóa chủ trì, việc sưu tầm giới thiệu xường của người Mường ở Thanh Hóa mới được quan tâm. Cuốn sách: "*Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa*" của Minh Thiệu, gồm hai tập do Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản (tập 1- năm 1970, tập 2 - năm 1981) là công trình đầu tiên dành cho việc sưu tầm giới thiệu về xường. Hai tập của cuốn sách này được biên soạn gộp lại thành một cuốn và chỉnh lý, tái bản vào năm 1999. Văn bản xường giao duyên của người Mường Thanh Hóa do Minh Hiệu cung cấp gồm 91 lời ca. Do đặc điểm phần lớn các lời ca đều rất dài nên tác giả Minh Hiệu chủ yếu chỉ ghi chép lại phần lời của một bên.

2.2. Những ý kiến về xường

Những ý kiến về xường của người Mường Thanh Hóa được chủ yếu tập trung trong lời giới thiệu của cuốn *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa* của Minh Hiệu. Bằng một số phân tích sơ bộ, tác giả đã nêu những ý kiến về xường, chúng nằm ở hai phương diện:

- Nêu vai trò, vị trí của xường, đặc biệt là xường giao duyên (người Mường Thanh Hóa thường gọi là xường Thiết Ống) trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian của đồng bào Mường.
- Giới thiệu hình thức sinh hoạt của xường giao duyên, chủ yếu là thiên về nhấn mạnh cách thức tiến hành một cuộc xường.

Nhìn lại tình hình nghiên cứu xường của người Mường Thanh Hóa, có thể thấy rõ những điểm sau:

- Về cơ bản việc nghiên cứu xường của người Mường Thanh Hóa đang ở mức độ sưu tầm, ghi chép, giới thiệu và phân tích sơ bộ.
- Đã có một số ý kiến về xường. Những ý kiến đó tập trung vào hai vấn đề là: cách thức tiến hành một cuộc xường và vai trò của xường trong đời sống tinh thần của đồng bào Mường.

- Một số phương pháp nghiên cứu văn học dân gian có tính chất đặc thù còn ít được sử dụng để nghiên cứu xường như một thể loại với đặc trưng loại hình của nó.

Tóm lại, cho đến nay chưa có công trình có tính chất chuyên luận nghiên cứu một cách đầy đủ sâu sắc về xường. Tuy nhiên, tất cả những nghiên cứu đi trước đã mở đường, gợi ý cho tác giả luận án nhiều vấn đề, cả những vấn đề đã giải quyết được và những vấn đề tác giả luận án còn phải tiếp tục làm. Đó là những điều kiện tiên đề quan trọng để luận án có thể thực hiện được và tiếp tục đi tiếp những bước sau, góp phần vào việc nghiên cứu xường sâu sắc, đầy đủ, có hệ thống.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Nghiên cứu đề tài này, người viết nhằm hướng đến ba mục đích sau:

- Dựng lại diễn xướng sinh động của xường giao duyên; mô hình hóa trình tự diễn xướng một cuộc xường; làm sáng tỏ vai trò, vị trí của xường trong đời sống văn hóa tinh thần của người Mường.

- Làm rõ những giá trị nổi bật của xường chủ yếu ở góc độ nghiên cứu nghệ thuật ngôn từ của sáng tác dân gian. Từ đó nêu bật được những nét riêng độc đáo của dân ca xường

- Góp phần bảo tồn, phát huy nguồn di sản xường của tộc người Mường.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Điều dã, sưu tầm, ghi chép, khảo sát tư liệu, xác định văn bản xường để nghiên cứu cùng hình thức diễn xướng của nó.

- Xác nghĩa và làm sáng rõ những đặc điểm về phương thức sinh hoạt và phương thức thể hiện của xường trên cơ sở tiếp cận đặc trưng loại hình và khám phá thế giới nghệ thuật của xường.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần bảo tồn, phát huy xường trong đời sống văn hóa tinh thần của người Mường hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án chỉ đi sâu nghiên cứu loại xường giao duyên vì đây là bộ phận tiêu biểu của dân ca Mường.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Sau khi xác định các thuật ngữ như: xường, xường rang; phạm vi nghiên cứu của luận án được triển khai theo những ý chính sau:

- Khảo sát, phân tích, đánh giá vai trò vị trí của xường giao duyên.

- Phân tích và mô hình hóa cấu trúc một cuộc xường giao duyên

- Phân tích, phác ra điểm nhìn nghệ thuật mà trong đó tư duy của người Mường vận động và quy định một số phương thức thể hiện của xường giao duyên.

Văn bản được chọn làm văn bản chính để nghiên cứu: Văn bản xường giao duyên (người Mường Thanh Hóa thường gọi là xường Thiết Ống) trong sách *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa* của Minh Hiệu, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 1999.

Bên cạnh đó trong quá trình thực hiện, đề tài còn sử dụng văn bản sưu tầm, tài liệu ghi chép của tác giả luận án (in ở phần phụ lục) để xem xét, đối chiếu. Văn bản này chủ yếu do những người Mường cao tuổi được gọi là nghệ nhân xường của vùng Mường Trám xưa (nay thuộc xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa) cung cấp.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích và hướng dự định triển khai của đề tài, chúng tôi đã sử dụng một số phương pháp sau: Phương pháp điền dã thực địa, hệ thống, phân tích, logic, lịch sử, so sánh loại hình □ Các phương pháp trên được sử dụng tổng hợp và có sự ưu tiên mức độ khác nhau cho mỗi phương pháp trong quá trình phân tích. Phương pháp điền dã thực địa được coi là điều kiện tiên quyết để thực hiện luận án. Chúng tôi đã thực hiện nhiều đợt điền dã thực tế tại địa bàn miền núi Thanh Hóa - nơi có người Mường cư trú đông, từ lâu đời như: Cẩm Thủy, Bá Thước, Ngọc Lặc □ Gặp gỡ, trao đổi với nhiều nghệ nhân xường; quan sát, tham dự một cuộc xường giao duyên được tạo dựng lại, tiến hành ghi âm và ghi chép lời ca.

6. Những đóng góp mới của luận án

6.1. Về lý luận

- Lần đầu tiên, xưởng giao duyên của người Mường ở Thanh Hóa được nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống trong một công trình riêng.

- Luận án đã miêu tả và dựng lại được một cách sinh động hình thức diễn xướng của xưởng giao duyên; đã phân tích, đánh giá và mô hình hóa được cấu trúc của một cuộc xưởng giao duyên; từ đó cho thấy rõ đặc điểm riêng trong mô hình một cuộc xưởng giao duyên của người Mường Thanh Hóa.

- Luận án đi sâu nghiên cứu văn bản xưởng giao duyên, qua đó tìm hiểu những yếu tố ngoài văn bản theo phương pháp folklore và các phương pháp liên ngành nên đã góp phần làm sáng tỏ cả bản chất xã hội và bản chất nghệ thuật của xưởng giao duyên. Nhờ đó luận án đã góp thêm tiếng nói vào phương pháp luận nghiên cứu văn học dân gian vốn vẫn đang là một trong những vấn đề còn nhiều việc cần tiếp tục giải quyết.

6.2. Về thực tiễn

- Luận án thực hiện một phần từ các tư liệu điều tra thực địa, nên đã góp phần bổ sung làm phong phú thêm nguồn tư liệu về xưởng của người Mường.

- Quá trình đi diễn dã thực tế để thực hiện luận án đã góp phần vào việc khơi dậy lòng tự hào, trân trọng nguồn dân ca xưởng của người Mường; góp phần bảo tồn, phát huy vốn xưởng của tộc người Mường.

- Gợi ý, bổ sung một số vấn đề cần thiết cho việc đi thực tế, sưu tầm văn học dân gian của sinh viên Văn ở các trường Sư phạm.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 3 chương, 8 mục.

nội dung của bản thảo luận án

Chương 1

XUỞNG VỚI ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TINH THẦN CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở THANH HÓA

Ở chương này, luận án đã phân tích, đánh giá vai trò, vị trí của xưởng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Mường; mô tả sinh động trình tự diễn xướng một cuộc xưởng; khảo sát, phân tích và mô hình hóa cấu trúc một cuộc xưởng.

1.1. Thanh Hóa và địa bàn cư trú của người Mường

1.1.1. Vài nét khái quát về Thanh Hóa

Trên bản đồ Việt Nam, Thanh Hóa là vùng đất nối hai đầu Bắc Bộ và Trung Bộ. Với diện tích tự nhiên là 11.168,1 km², địa bàn Thanh Hóa có thể phân làm hai miền khá rõ rệt: miền núi và miền xuôi.

Cư trú trên đất Thanh Hóa là các tộc người: Kinh, Mường, Thái, Thổ, Dao, Hmông, Khơ Mú.

1.1.2 Miền núi Thanh Hóa và địa bàn cư trú của người Mường

Trên bản đồ hành chính hiện nay, miền núi Thanh Hóa là phần địa dư của 11 huyện: Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Như Xuân, Như Thanh, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Lang Chánh, Bá Thước, Thường Xuân.

Miền núi Thanh Hóa là khu vực rộng lớn, chiếm 2/3 diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Tộc người Mường chủ yếu cư trú trên địa bàn miền núi, có số dân đông thứ hai sau tộc người Kinh ở Thanh Hóa, và là tộc người có số dân đông nhất so với các tộc người khác (như Kinh, Thái, Thổ, Hmông) cùng cộng cư trên địa bàn miền núi.

Theo số liệu thống kê của Ban Dân tộc và miền núi Thanh Hóa, số người Mường ở Thanh Hóa (tính đến 1/4/1999) là 322.869 người, trong đó các huyện có người Mường đông nhất là Cẩm Thủy: 52.550 khẩu (chiếm 56,8% số dân toàn huyện); Thạch Thành: 68.387 khẩu (chiếm 50,4% số dân toàn huyện); Bá Thước: 46.638 khẩu (chiếm 47% số dân toàn huyện); Ngọc Lặc: 55.581 khẩu (chiếm 44 số dân toàn huyện). Nhiều di chỉ, địa điểm khảo cổ, nơi phát hiện có người Việt thời cổ sinh sống phần lớn là các hang động dọc theo triền sông Mã, thuộc địa phận của các huyện có người Mường cư trú đông và từ lâu đời như các huyện Bá Thước, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành. Vì vậy, khi thực hiện luận án, chúng tôi đã chọn địa bàn diễn dã thực tế là bốn huyện trên.

1.2. Khái quát về văn nghệ dân gian của người Mường Thanh Hóa

Với số dân chiếm đa số giữa các tộc người cùng cộng cư trên địa bàn miền núi, lại là tộc người có mặt từ lâu đời, có thể nói người Mường Thanh Hóa đã sáng tạo, bảo tồn, phát triển nhiều giá trị văn hóa, góp phần tạo ra sắc thái riêng của văn nghệ dân gian Mường xứ Thanh, làm nên sự phong phú, đa dạng của vốn văn nghệ dân gian của tộc người Mường.

Người Mường Thanh Hóa có một tài sản văn nghệ dân gian phong phú với sự hiện diện đa dạng của các thể loại: sử thi, xường, rang, bộ mệng, sắc bùa, mo, hát ru, đúm, truyện thơ, cổ tích□

Nhìn khái quát tổng thể, vốn văn nghệ dân gian của người Mường Thanh Hóa nổi lên như một mảng màu đậm trong bức tranh văn nghệ dân gian của tộc người Mường trên cả nước.

1.3. Xường với đời sống văn hóa tinh thần của người Mường Thanh Hóa

1.3.1. Về tên gọi và việc phân loại xường

1.3.1.1. Về tên gọi xường

Luận án đã nêu ra một cách hiểu về tên gọi "xường" mà từ trước tới nay, có những nhà nghiên cứu đã đề cập đến, nhưng theo tác giả luận án là chưa đầy đủ.

Xường là một thể loại dân ca trữ tình của người Mường, được hiểu theo hai nghĩa rộng, hẹp là:

Nghĩa rộng: *xường chỉ làn điệu tiêu biểu, phổ biến của dân ca Mường, bao gồm cả xường chúc, xường sắc bùa, xường giao duyên□ thường được hát trong các dịp vui như: mừng nhà mới, chúc mừng đầu xuân, trong đám cưới, trong cuộc hát đối đáp giao duyên □*

Nghĩa hẹp: *xường chỉ lối hát giao duyên của người Mường.*

Xường thường được người Mường gọi cặp đôi với rang: xường rang. Trên cơ sở tìm hiểu thực tế, luận án cũng nêu ra cách phân biệt "xường" với "rang" là chủ yếu dựa vào phong tục sinh hoạt: Làn điệu xường chỉ dùng vào những dịp vui, làn điệu "rang" được dùng trong việc hát — kể truyện thơ hoặc trong các việc có sự ứng đồng giữa hồn ma với người trần thế. Trong một số các sinh hoạt văn nghệ

dân gian như: pôn pông, sắc bùa□ người Mường thường hay sử dụng cả hai làn điệu xường và rang. Chính vì vậy "xường rang" thường được gọi cặp đôi.

1.3.1.2. Phân loại xường

Luận án đã phân tích cách phân loại xường như trong cuốn *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa* của Minh Hiệu là có phần chưa thỏa đáng. Theo tác giả luận án, nhìn về mặt chức năng sinh hoạt xã hội thì xường giao duyên của người Mường Thanh Hóa là một thể thống nhất, nhưng nhìn ở cách thức tổ chức, lễ lối hát thì được diễn xướng dưới hai hình thức là: *xường tự do và xường bậc*.

Xường bậc được hình thành và phát triển gắn liền với phong tục sinh hoạt văn hóa, tập quán ứng xử của người Mường Thanh Hóa, nên dần dần được định hình mang tính khuôn mẫu truyền thống. *Xường bậc* là hình thức sinh hoạt xường giao duyên điển hình của người Mường Thanh Hóa, được tổ chức thành cuộc xường, có lễ lối và quy trình khá chặt chẽ.

1.3.2. Hình thức sinh hoạt của xường

1.3.2.1. Tục lệ, thời gian, nơi hát, cách thức tổ chức và lễ lối hát

Trong khi nêu rõ tục lệ, thời gian địa điểm, cách thức tổ chức cuộc xường, luận án đã kết hợp các tư liệu điền dã, thực tế và dùng lại khảo tả sự diễn xướng sinh động của cuộc xường. Trên cơ sở đó, luận án đã rút ra mấy ý sau:

Về tục lệ: Xường giao duyên là một sinh hoạt văn hóa văn nghệ có tính chất phong tục. Cuộc xường được diễn ra khi có khách là con trai, hoặc con gái từ làng khác đến chơi.

Về thời gian: Xường giao duyên chỉ hát vào ban đêm; thường diễn ra từ tháng 10, tháng 11 (âm lịch) năm nay đến hết mùa xuân năm tới. Một cuộc xường trọn vẹn thường kéo dài liên tục bốn, năm đêm. Nhìn chung, thời gian diễn biến của một cuộc xường (dài hay ngắn) phụ thuộc nhiều vào tài năng và tình huống của mỗi cuộc xường.

Nơi hát: Xường giao duyên diễn ra trong nhà sàn. Như vậy lối hát đã có quy định (trong nhà sàn) nhưng địa điểm không cố định, vì có thể hát ở nhà này hoặc hát ở nhà khác.

Cách thức tổ chức: Một bọn con trai làng này rủ nhau đến một làng khác để hát xường với con gái làng ấy, hoặc ngược lại một tốp con gái làng này rủ nhau đến chơi một làng khác và con trai làng ấy mời tốp con gái hát xường. Số người đi với nhau không hạn định. Khi hát, nữ ngồi gian trong, nam ngồi gian ngoài, hai bên không nhìn thấy mặt nhau.

Lễ lối hát: Xường chỉ có một làn điệu, khi hát đôi bên nam nữ không phải đối giọng nhưng phải đối đáp sát ý, sát lời. Nội dung lời ca được sắp xếp theo một quy định chặt chẽ: Hát hết lời này mới được hát đến lời khác, hát xong chặng này mới được hát tiếp chặng sau, hát trọn bậc này mới được hát lên bậc khác. Nếu hát không đúng quy định, hoặc phá ngang sẽ bị những điều luật lệ hát hay những điều kiêng kỵ ràng buộc (như bị bán vía).

1.3.2.2. Mô hình hóa trình tự diễn xướng một cuộc xường

Tuân thủ phương pháp nghiên cứu folklore, luận án đã giới thiệu cách sắp xếp trình tự diễn xướng một cuộc xường trong cuốn sách đã công bố (*Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa* của Minh Hiệu, xuất bản năm 1999). Trên cơ sở những nhận thức về đặc trưng của văn học dân gian và đặc điểm của văn bản văn học dân gian, kết hợp với sự tìm hiểu thực tế, luận án đã phân tích, chỉ ra những chỗ chưa hợp lý trong cách sắp xếp của cuốn sách nói trên, và đi đến khẳng định: không có "xường gốc", chỉ có một mô hình chung của xường giao duyên. Luận án đã đưa ra mô hình một cuộc xường giao duyên gồm ba chặng:

Chặng thứ nhất: Là lời của bên chủ (tức làng có khách), gồm có ba lời ca: *xường chào, xường mời, xường nài*.

Chặng thứ hai: Gồm có hai bước: *Xường dưới ánh* và *xường lên bậc*.

Ở bước *xường dưới ánh*: Bên khách hát trước, bên chủ hát đáp lại sau. Bước này gồm các lời theo quy định được hát theo thứ tự như sau: "Qua cầu", "Trông Mường", "Xem Mường", "Dân xường", "Gieo trồng", "Phát đường". "Phát đường" là lời kết thúc bước *xường dưới ánh* để chuyển lên bước *xường lên bậc*.

Ở bước *xường lên bậc*: Bên chủ hát trước, bên khách hát đáp lại sau. Bước này theo quy định gồm 12 bậc. Mỗi bậc gồm có 3 lời: *Lời gọi tên bậc*, *lời gài hoa*, *lời bắt tiếng chim*. Tên các bậc đều là tiếng Mường cổ (Cu nhu cốp nhóp; Tưng

phênh,□). Mỗi bậc có một vị trí nhất định, hát xong bậc này mới được hát tiếp bậc sau, tuân tự cho đến hết 12 bậc.

Chặng thứ ba: Chặng này thường gồm có các lời: *xường thể, xường dặn* và *xường tạm biệt*. Xường thể và xường dặn thường kết hợp nhau, đôi khi sự phân biệt không rõ rệt lắm.

Qua phân tích, luận án đã rút ra nhận xét sau: Mô hình một cuộc xường giao duyên vừa đảm bảo tính thống nhất, tính truyền thống của cộng đồng, vừa dành chỗ cho những sáng tạo cá nhân. Chính điều này đã tạo nên tính "mềm dẻo" trong mô hình của một cuộc xường, đó là thống nhất trong cái chung của cộng đồng, đa dạng và cụ thể trong tình huống của mỗi cuộc xường. Mô hình ấy khá tiêu biểu cho dân ca giao duyên mà hiện nay nhiều tộc người không còn giữ được thứ bậc và quy trình chặt chẽ như vậy. Từ đây, chúng ta có thể nghĩ tới tính biệt lập khá điển hình trong sinh hoạt văn hóa văn nghệ dân gian của bộ phận người Mường ở Thanh Hóa.

1.3.3. Vai trò của xường trong đời sống văn hóa tinh thần của người Mường Thanh hóa

Bằng sự phân tích và những chứng cứ từ thực tế, luận án đã khẳng định vai trò, vị trí của xường trong đời sống văn hóa tinh thần của người Mường Thanh Hóa, cụ thể nổi lên mấy ý chính sau:

- Sinh hoạt xường giao duyên đối với người Mường Thanh Hóa vừa thực hiện chức năng trao đổi, bày tỏ tình cảm lứa đôi, vừa là một phong tục, tập quán ứng xử, một sinh hoạt văn hóa văn nghệ được người Mường yêu thích.

- Như một quy ước dân gian, là người Mường thì ai cũng phải học xường, biết xường. Do đó vốn hiểu biết, tài năng về xường được xem như là một trong những chuẩn mực đánh giá con người của người Mường. Quan niệm đó cũng chi phối đến tư duy và sáng tạo xường giao duyên của họ.

Chương 2

QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VÀ THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT TRONG XƯỜNG

Ở chương này, luận án dành để nghiên cứu những vấn đề chủ yếu thuộc phương thức thể hiện của xường.

2.1. Quan niệm nghệ thuật về con người trong xường

Quan niệm nghệ thuật về con người trong xường cần được đặt trong mối quan hệ chung với văn học dân gian Mường. Đây là một vấn đề rộng lớn, bởi vì nó liên quan đến lý tưởng thẩm mỹ của dân tộc và thời đại. Với những nghiên cứu của mình, tác giả luận án cho rằng, *xường giao duyên đã thể hiện nổi bật, nhất quán một quan niệm nghệ thuật về con người tâm linh- con người với sự thể hiện chiều sâu của tâm hồn, thế giới tinh thần, tâm linh của con người được thể hiện một cách phong phú đa dạng.*

Con người tâm linh là một giá trị nghệ thuật quan trọng, và nó sẽ được xem như là hệ quy chiếu quy tụ và xác định những nguyên tắc của mọi sự tìm tòi, thể hiện nghệ thuật trong xường giao duyên. Luận án đã phân tích và nêu ra một số đặc điểm của sự thể hiện *con người tâm linh* trong xường giao duyên như sau:

2.1.1. Con người trong xường giao duyên đề cao sức mạnh thẩm mỹ của xường

Trong quan niệm của người Mường, xường là thứ của cải tinh thần quý hiếm được bà Dạ Dăn ban cho từ ngày có đất Mường, để cho cuộc sống của con người thêm vui tươi, trai gái thêm yêu thương gắn bó. Từ quan niệm ấy, trong ý thức của họ, tiếng xường có một uy lực đặc biệt trong việc góp phần đắp xây hạnh phúc tình yêu lứa đôi.

Quan niệm ấy, có một phần xuất phát từ quan niệm cổ xưa về giá trị "vật chất" của tiếng nói, và phần chủ yếu là xuất phát từ niềm tin, niềm trân trọng đề cao sức mạnh thẩm mỹ của xường.

2.1.2. Con người trong xường giao duyên thủy chung, chịu thương, chịu khó

Luận án cho rằng, con người thủy chung, chịu thương, chịu khó không phải là nét riêng biệt trong quan niệm về con người của xường giao duyên, mà cái chính là ở chiều sâu của việc thể hiện con người thủy chung, chịu thương, chịu khó ấy mang những nét nổi đậm của tâm lý, tính cách, tâm hồn dân tộc, mang đậm dấu ấn của cuộc sống xã hội Mường cổ truyền.

Thế giới nội tâm của con người được chú ý khai thác với những biểu hiện phong phú, phức tạp, những quá trình tâm lý tiêu biểu, đặc thù trong tình yêu lứa đôi. Nền bạn tình đã trở thành một nguyên tắc trong thế giới nghệ thuật của xường giao duyên. Bạn tình là những chàng trai chưa có vợ, những cô gái chưa có chồng, họ thường ở các làng khác nhau, ở "đường xa đất, sá xa mường", nhưng đều muốn "chung đất", "chung mường", "chung tình", "chung phương", "chung làng, "chung lũng", "chung ngõ", "ngồi ăn cơm chung một vóng"□ những người sẽ thực hiện đến cùng ước mong được cùng nhau "chơi nên cửa, nhởi nên nhà". Ý niệm về bạn tình như vậy đã hướng cho xường giao duyên đi vào khám phá, bộc lộ quy luật chung của con đường tình yêu lứa đôi. Điều này được thể hiện ở mấy ý chính sau:

- Con người trong xường giao duyên rất chủ động trong tình yêu lứa đôi. Họ luôn quan niệm hôn nhân là cái đích hướng tới của tình yêu, vì thế cho nên ngay từ cuối chặng thứ nhất, đầu chặng thứ hai của cuộc xường, đôi bên nam - nữ đã liên tiếp cất lên những lời đối đáp nhằm thăm dò, tìm hiểu nhau về nhiều phương diện: thân thế, cảnh ngộ, tình duyên, tài năng, tâm tư tình cảm□ Người hỏi thì hỏi cặn kẽ ngọn ngành và muốn người đáp cũng phải đáp thật đầy đủ rõ ràng. Điều này đã dẫn đến nguyên tắc cơ bản trong đối đáp hát xường giao duyên là phải sát ý, sát lời. Do đó đã tạo nên tính lặp lại trong văn bản lời đối đáp của đôi bên.

- Trong tình yêu, có một sự gắn kết chặt chẽ giữa tình với nghĩa. Tình nghĩa ấy được nảy sinh và bền chặt bởi nó được củng cố từ trong cuộc sống lao động hàng ngày. Vì thế, ở xường giao duyên có một cảm hứng thể hiện lòng say mê con người, ngợi ca con người lao động, chịu thương, chịu khó như một tình cảm nhân văn.

- Sự thể hiện con người thủy chung, chịu thương chịu khó gắn liền với con người làng quê dân tộc. Con người trong xường giao duyên được hình dung qua cảnh sắc của bản Mường, qua cuộc sống nông nghiệp "tự cấp tự túc và khá khép kín" của người Mường trước đây. Con người trong xường giao duyên nhớ thương, suy nghĩ, cảm thụ, ước mơ □ đều rất sâu sắc, chân thành và in đậm dấu ấn tâm lý, tính cách dân tộc□ Tất cả những điều đó không chỉ tạo nên "màu sắc" dân tộc, mà chủ yếu để gợi nên những tình cảm kết đọng âm thầm trong nếp cảm, nếp sống,

nếp ứng xử, sinh hoạt văn hóa xã hội của người Mường, tập hợp nó vào việc thể hiện chiều sâu của tâm hồn, thế giới tinh thần, tâm linh của con người, khiến cho xường giao duyên trở thành tiếng hát ngọt ngào, sâu lắng, tiếng hát giao duyên thấm thía lòng người.

- Sự thể hiện *con người tâm linh* trong xường giao duyên chính là làm cho ta thấy được cách nhìn nhận và quan niệm của người Mường về tình yêu. Con người trong xường giao duyên là con người tích cực, kiên trì xây đắp hạnh phúc lứa đôi, coi trọng nghĩa tình, chịu thương chịu khó, thủy chung, có ý thức trách nhiệm trong tình yêu lứa đôi. Quan niệm về con người sẽ chi phối toàn bộ các hình thức biểu hiện của xường giao duyên trong các dạng thức cụ thể của nó.

2.2. Thế giới nghệ thuật trong xường

2.2.1. Thời gian nghệ thuật

L luận án đã khảo sát, phân tích và nêu lên đặc điểm của thời gian nghệ thuật trong xường giao duyên.

Thời gian nghệ thuật trong xường giao duyên trước hết là thời gian hiện tại, diễn xướng - theo sự quy định của đặc trưng loại hình.

Bên cạnh thời gian hiện tại, diễn xướng, trong xường giao duyên còn xuất hiện dòng thời gian hiện thực. Dòng thời gian này như một mạch ngầm chảy trong văn bản xường giao duyên.

Dòng thời gian hiện thực đã tạo nên cảm giác về sự thay đổi, vận động của thời gian. Ở đây trong cảm giác về sự thay đổi vận động của thời gian, có sự thay đổi của tâm trạng, tình thế, cảnh ngộ của con người. Điều này đã tạo cho xường giao duyên đậm đà chất hiện thực, tạo chiều sâu cho cảm xúc và tâm trạng của con người, làm cho những cảm xúc và tâm trạng ấy trở nên sâu sắc và chân thật về mặt tâm lý.

Sự xuất hiện của dòng thời gian hiện thực bộc lộ rõ sự cảm nhận về thời gian hiện hữu của đời người, thời gian của tuổi trẻ, thời gian của tình yêu. Cảm nhận về thời gian như vậy là rất thực tế, không hề triết lý xa xôi, không một chút ảo tưởng. Vì thế con người trong xường giao duyên luôn có ý thức tích cực, chủ động xây dựng vun đắp cho tình yêu lứa đôi để tình yêu ấy đơm hoa kết trái, khiến cho xường giao duyên trở thành tiếng hát yêu thương nồng nàn, tràn đầy hy vọng.

Đặc sắc hơn là ở xường giao duyên còn xuất hiện dòng thời gian mang tính quan niệm, tình triết lý - đó là thời gian chu kỳ.

L luận án đã phân tích, đã lý giải để thấy được từ đời sống tinh thần, từ nếp sinh hoạt văn hóa truyền thống lâu đời của người Mường, từ nhận thức và quan niệm của họ về tình yêu, đã tác động vào quan niệm nghệ thuật, để từ đó nảy sinh xuất hiện dòng *thời gian chu kỳ*. Dấu hiệu của dòng *thời gian chu kỳ* được bộc lộ ở việc kết cấu 12 bậc xường với 12 lời "gài hoa" và 12 lời "bắt tiếng chim".

Việc kết cấu mười hai bậc xường là biểu hiện sự chiếm lĩnh thời gian. Con số 12 biểu hiện nhịp đi của một chu kỳ thời gian, nên 12 bậc cũng có trình tự quy định: có bậc khởi đầu và có bậc kết thúc. Mười hai bậc xường đã gói trọn tất cả những cung bậc, sắc thái, những biểu hiện hết sức phong phú, phức tạp của tình cảm lứa đôi. Những cung bậc, sắc thái tình cảm ấy được thể hiện qua 12 lời "gài hoa". Mười hai lời "gài hoa" còn có ý nghĩa điểm nhịp cho sự vận động, phát triển tình cảm trong tình yêu, và như thế nó tạo thành mạch cảm xúc có điểm khởi đầu và điểm kết thúc luôn vận động và biến đổi trong không gian - thời gian.

Mười hai lời "gài hoa" lại ứng với mười hai lời "bắt tiếng chim". Trong thực tế trước đây, những chàng trai, cô gái Mường yêu nhau, khi trao tặng kỷ niệm cho nhau, không những trao tặng những thứ có thể trao được như nón, khăn, áo, □ mà còn tặng nhau cả những "tiếng chim". Người ta cho rằng, đây là một cách khác họa kỷ niệm, và tin rằng qua tiếng chim, mỗi lần nghe đến, dù ở cách xa nhau, vẫn gọi thương nhớ về nhau. Ở xường giao duyên, người ta "bắt tiếng chim" vừa để trao tặng nhau, vừa để nói hộ lòng mình. Trong quan niệm của người Mường, đi qua 12 bậc xường với 12 lời "gài hoa" và 12 lời "bắt tiếng chim" là biểu hiện về "*sự hoàn thành của một chu kỳ đã hoàn tất*" của tình yêu lứa đôi.

Như vậy, thời gian trong xường giao duyên ngoài việc đáp ứng yêu cầu diễn xướng - đặc trưng loại hình tiêu biểu của nó, còn có chức năng thể hiện trọn vẹn con đường tình yêu. Sự kết hợp, đan xen các hình thức thời gian, làm cho nhịp thời gian trong xường giao duyên vừa có giá trị phổ quát vừa đặc biệt đậm đà sắc thái dân tộc, vừa có khả năng diễn đạt những cảm xúc, tâm lý nảy sinh từ tâm trạng của những người trong cuộc hát ở vào khoảnh khắc đương thời đang diễn ra, mà vẫn thích hợp với mọi đối tượng, mọi hoàn cảnh; luôn thay đổi vận động trong tâm

tưởng và cảm nhận, tạo chiều sâu và bề dày cho tâm trạng; đây tính biểu trưng triết lý mà vẫn gần gũi, thân quen. Đó là tính chất căn bản của thời gian nghệ thuật trong tường giao duyên.

Sự cảm nhận về thời gian đã chi phối cách tổ chức mạch cảm xúc, chi phối cách kết cấu các lời ca trong tường giao duyên.

Từ đó, có thể thấy rằng, đối với một thể loại văn học dân gian thời gian nghệ thuật được quy định trước hết bởi yêu cầu diễn xướng của thể loại, bên cạnh đó còn chịu sự chi phối bởi các yếu tố thuộc về nếp cảm, nếp nghĩ, nếp ứng xử bắt nguồn sâu xa từ nếp sinh hoạt văn hóa truyền thống của dân tộc.

2.2.2. Không gian nghệ thuật

Luận án đã phân loại và nêu lên đặc điểm của không gian nghệ thuật trong tường.

2.2.2.1 Không gian siêu nhiên

Sự thể hiện của không gian siêu nhiên không nhiều nhưng nó đã đem lại cho thế giới không gian của tường màu sắc huyền thoại, linh thiêng.

2.2.2.2 Không gian thiên nhiên

Luận án đã mô tả, phân tích sự thể hiện đa dạng của không gian thiên nhiên, trong đó nổi lên khá tiêu biểu không gian vườn.

2.2.2.3 Không gian sinh hoạt

Không gian sinh hoạt trong tường đã phản ánh được một số nét riêng trong phong tục, tập quán làm ăn, sản xuất, ứng xử, sinh hoạt văn hóa của người Mường, trong đó không gian gia đình, ngôi nhà sàn là không gian luôn gần gũi, thân yêu.

Các hình thức không gian nghệ thuật ấy đều là những bối cảnh không gian trữ tình làm nền cho việc bộc lộ tâm tư, tình cảm của con người, gắn liền với chức năng giao duyên. Từ đó, luận án khẳng định mối quan hệ giữa con người với không gian là sự gắn bó mật thiết.

2.2.2.4. Biểu tượng không gian nổi bật trong tường

Sau khi phân tích các hình thức không gian, việc tiếp tục phân tích các biểu tượng không gian có ý nghĩa tượng trưng là cần thiết và quan trọng. Tường giao duyên có xu hướng phản ánh khái quát về tình yêu, thể hiện quá trình vận động

phát triển của tình yêu và đã sáng tạo nên các biểu tượng không gian độc đáo, in đậm dấu ấn dân tộc. Ở phần này, luận án đã phân tích, lý giải làm sáng rõ nét riêng, độc đáo của biểu tượng không gian: *cái cầu* và *con đường*.

Cái cầu: Người Mường cư trú ở vùng thung lũng chân núi và vùng đồi núi thấp, nhiều khe, suối, nên cái cầu có vị trí quan trọng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của họ. Cái cầu trong tường giao duyên vừa là cái cầu thực tế, vừa là cái cầu có tính chất tượng trưng. Cái cầu vừa là phương tiện để đi lại, vừa là cái "cầu tình, cầu nghĩa" có chức năng gắn kết tình cảm lứa đôi.

Chiếc cầu trong tường giao duyên của người Mường có ý nghĩa phong phú và đặc biệt - những chiếc cầu đều được gọi là *cầu cây si*. Cây si thuộc biểu tượng cây vũ trụ của người Mường. Cây si thuộc về tâm thức của người Mường. Có thể nói rằng, cây si được cảm nhận trong cõi tâm thức của người Mường ở nhiều vấn đề linh thiêng, và sau này cây si trở thành biểu tượng trữ tình trong những câu hát giao duyên. Ở lĩnh vực nào, người Mường cũng gửi gắm ở hình ảnh cây si những tình cảm tốt đẹp, những khát vọng chân thực về cuộc sống và tình yêu. Với một bề dày những tầng lớp, ý nghĩa có tính chất biểu trưng như thế, biểu tượng chiếc "cầu cây si" trong tường giao duyên thể hiện tương đối rõ nếp cảm, nếp nghĩ của người Mường - chiếc cầu ấy là cầu tình cầu nghĩa vững chắc, bền lâu. Về mặt nghệ thuật, hình ảnh chiếc cầu với những dạng thức cụ thể khác nhau: *Cầu cây si Bến Mọt, Cầu cây si chẳng chịt* đã được hình tượng hóa như một thủ pháp nghệ thuật nhằm diễn đạt khái quát những bước đi ban đầu của con đường tình yêu. Chiếc cầu được xem như giữ vị trí khởi đầu, mở ra hướng đi tới cho tình yêu. Chính vì vậy, biểu tượng không gian giữ vai trò xuyên suốt toàn bộ văn bản tường giao duyên sẽ là biểu tượng *con đường*.

Con đường: Con đường trong tường giao duyên mang tính hai mặt, vừa là con đường thực tế khách quan, vừa là con đường tưởng tượng được xây dựng trên cơ sở tính khái quát của hình tượng con đường - đó là con đường hiểu biết, con đường đời, con đường tình yêu...

Nét độc đáo của biểu tượng con đường trong tường giao duyên là con đường được xem như là một yếu tố của cấu trúc nghệ thuật. Biểu tượng con đường được

tập trung thể hiện qua lời "Phát đường". Đây là lời ca mẫu mực, có vị trí cố định trong kết cấu văn bản một cuộc xường. "Phát đường" là hướng đi lên, tiếp cận với đạo lý truyền thống, bởi trong tình yêu lứa đôi, ngoài sự chung đắp dựng xây của đôi bạn tình còn phải có sự vun đắp của gia đình, bạn bè, làng xóm. "Phát đường" vừa là phát con đường thực tế bởi địa hình miền núi thường khó khăn, con đường có vị trí quan trọng trong đời sống sinh hoạt, vừa là "phát" con đường tình yêu. Con đường của mọi người, con đường của đôi ta, đạo lý truyền thống và tình yêu lứa đôi cùng chan hòa trong hình tượng con đường.

Như vậy, trong chương 2 của luận án, chúng tôi đã trình bày những vấn đề nổi bật xung quanh những phạm trù nghệ thuật như: quan niệm về con người, không gian, thời gian, để thấy được một số nguyên tắc phản ánh, nắm bắt cuộc sống, thế giới tinh thần của con người trong việc tập trung biểu hiện cách nhìn nhận và quan niệm về tình yêu của người Mường.

Chương 3

KẾT CẤU, NGÔN NGỮ, THỂ THƠ CỦA XƯỜNG

3.1. Kết cấu

Luận án đưa ra ba vấn đề thuộc bình diện kết cấu của xường giao duyên là: Đặc điểm, hình thức kết cấu và một số biện pháp kết cấu cơ bản.

3.1.1. Đặc điểm

Bằng khảo sát, phân tích đặc điểm trong lối tư duy diễn đạt của người Mường và các yếu tố thuộc điều kiện hoàn cảnh, điều kiện sáng tác, sinh hoạt văn hóa văn nghệ dân gian của người Mường trước đây, luận án đã nêu lên đặc điểm chủ yếu của kết cấu xường giao duyên, đó là phần lớn các lời ca đều dài và luôn có sự kết hợp hài hòa giữa mạch trữ tình dần trải với chất tự sự diễn giải, khiến cho xường giao duyên vừa đậm đà chất yêu thương nồng nàn, vừa giản dị, chân thực, mộc mạc.

3.1.2. Hình thức kết cấu

Theo chúng tôi, dưới hình thức kết cấu đối đáp rất đặc thù của thơ ca trữ tình dân gian nói chung, lời đối đáp của đôi bên nam nữ trong xường giao duyên lại tuân theo một hình thức cấu trúc riêng. Đó là tính lặp lại trong văn bản lời đối đáp

của đôi bên nam nữ. Luận án cho rằng, tính lặp lại trong văn bản lời đối đáp là nhằm đáp ứng cao độ nhu cầu ứng tác trong sinh hoạt xường giao duyên. Lặp lại cũng tạo thành một khuynh hướng tư duy, một truyền thống nghệ thuật, tạo thành cái khung truyền thống đối đáp của xường. Mỗi người Mường khi tham gia hát xường chỉ cần nắm được cái khung đối đáp truyền thống đó. Tiếng xường vì thế có nhiều điều kiện thấm vào mỗi người Mường từ lúc còn ấu thơ.

Bên cạnh đó, theo tác giả luận án, tính lặp lại trong văn bản lời đối đáp cũng là một biểu hiện của yêu cầu cuộc sống và tâm lý xã hội Mường: không ưa ồn ào, tránh thái quá, cần cái bình thường, cái hòa hợp. Cái bình thường, cái hài hòa vừa tầm với cuộc sống cũng là cái thiết thực, đáng yêu, đáng quý. Những đôi lứa yêu nhau lại càng cần có sự hòa hợp về tâm hồn, tình cảm.

Sự lặp lại trong lời đối đáp của đôi bên, không phải lặp lại y nguyên mà có sự thay đổi một số từ ngữ theo quy luật, khiến cho việc lặp lại không bị nhàm chán, đơn điệu mà vẫn sinh động, khắc họa được rõ tâm tư tình cảm của mỗi bên, đồng thời tạo nên không khí chan hòa trong sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.

3.1.3. Một số biện pháp kết cấu cơ bản

Xường giao duyên cũng sử dụng những biện pháp kết cấu phổ biến như dân ca của các tộc người khác. Nhưng qua khảo sát, tác giả luận án cho rằng, điểm nổi bật trong xường giao duyên là lối kết cấu *đối chiếu* và *trùng điệp*. Trùng điệp diễn ra với mật độ đậm đặc trên văn bản, tạo nên kiểu cấu trúc "sóng đôi". Cấu trúc "sóng đôi" là lối điệp một dòng thơ. Về mặt nghệ thuật, thủ pháp điệp một dòng thơ tạo nên những giá trị biểu đạt và nét đặc trưng riêng của xường giao duyên. Trước hết, nó làm cho câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc, dễ lưu truyền, đồng thời góp phần tạo nên độ mềm dẻo, linh hoạt trong cách diễn đạt, phù hợp với yêu cầu ứng khẩu. Trong mạch cảm xúc, sự lặp lại một dòng thơ có giá trị biểu đạt, nhằm khắc sâu vào tâm trí người nghe những điều chủ ý muốn nói, những điều ấy sẽ không bị thoảng qua như gió bay. Những lời nhớ, lời thương, lời bày tỏ tâm tình vì thế mà lắng đọng, xoáy sâu, làm thổn thức trái tim người đang hát và cả người nghe hát.

3.2. Ngôn ngữ

3.2.1. Vài nét về sự tạo thành các nhóm từ trong xường

Khi tìm hiểu về sự tạo thành các nhóm từ trong xường giao duyên, chúng tôi chú ý đến ba điểm:

3.2.1.1. Các nhóm từ được tạo thành bằng sự chia tách và kết hợp các từ ghép

tạo thành các nhóm bốn từ, sáu từ hoặc tám từ vừa giúp ích cho việc ứng khẩu vừa tạo thêm nguồn vốn từ đưa vào dân ca (ví dụ: "đường đôi, sá lúa", "đường tình, sá nghĩa", "đường công, sá việc", "chơi nên cửa, nhởi nên nhà"□)

3.2.1.2. Các nhóm từ được tạo thành do ghép từ có ý nghĩa tổng quát với từ có ý nghĩa cụ thể

Các nhóm từ này được dùng như một từ để diễn đạt nghĩa cụ thể (ví dụ: vui lúng, vui làng, vui tình, vui phương,□).

3.2.1.3. Các nhóm từ là thành ngữ thơ ca

Qua sự khảo sát, phân tích về sự hình thành các nhóm từ như trên, luận án rút ra mấy nhận xét sau:

- Về mặt tư duy, sự hình thành các nhóm từ là xuất phát từ lối nói, lối diễn đạt mọi cái đều phải cụ thể, bằng nhiều hình ảnh của người Mường. Đây cũng là một đặc điểm trong lối nói, lối diễn đạt của người Việt và cách biểu đạt của tiếng Việt.

- Về mặt nghệ thuật, các nhóm từ tạo thành các vế cân đối, hài hòa, tạo nên tính tiết tấu, nhịp điệu cho câu thơ, và điều quan trọng hơn là đặt trong môi trường diễn xướng xường giao duyên, thì những nhóm từ thật sự cần thiết, chúng được sử dụng như những "cấu kiện đúc sẵn", "lắp ráp" vào câu thơ, giúp ích nhiều cho việc ứng khẩu. Việc sử dụng các nhóm từ đã tạo thành những đường mòn, tạo thành sự lặp lại trong lối diễn đạt. Nhưng đối với xường giao duyên cũng như văn học dân gian, thì những sự lặp lại dù ở phương diện nào cũng đều góp phần ngưng kết để tạo thành truyền thống nghệ thuật.

3.2.2. Một số "định thức" ngôn từ trong xường

Theo PGS.TS Trần Đức Ngôn thì: "Tính định thức là một trong những đặc điểm nổi bật của văn bản văn học dân gian. Tính định thức thể hiện ở nhiều cấp độ: ngôn từ, hình tượng nhân vật, cấu trúc. Những định thức ngôn từ trong văn bản văn nói chung và thơ ca nói riêng là: các biểu tượng thơ ca, các thành ngữ thơ ca, các

câu mở đầu□ được lặp đi lặp lại trên cơ sở nguyên nghĩa, hoặc bao hàm nghĩa phát sinh".

Trong xường giao duyên các định thức ngôn từ nổi lên dễ nhận thấy nhất là: Câu mở đầu lời ca, câu kết thúc lời ca, và điệp khúc chuyển bước, chuyển bậc.

- Câu mở đầu mọi lời ca trong xường giao duyên thường bắt đầu bằng cụm từ: "Thương thiết□". Câu mở đầu ngoài chức năng mời mọi người hát, người nghe nhập lại làm một, còn có tác dụng tạo nên cái "không khí" đặc biệt của sinh hoạt xường giao duyên truyền thống trong các nếp nhà sàn của người Mường. Những câu mở đầu cũng tạo nên một hoàn cảnh để gắn với một tâm trạng. Trong tương quan với sắc thái cảm xúc của những câu mở đầu, tâm trạng của con người được bộc lộ rõ nét hơn.

- Câu kết thúc lời ca thường được diễn đạt dưới hình thức lời nhắn, lời dặn, gồm nhiều nhóm từ quen thuộc được lặp đi, lặp lại trong hầu hết các lời ca.

- Các điệp khúc chuyển bước, chuyển bậc, theo chúng tôi vừa có tác dụng phân tách bố cục giữa các bước của một chặng hát, vừa giúp cho người hát, người nghe dễ tiếp thu, dễ theo dõi lời ca, vừa thể hiện trình tự được quy định khá chặt chẽ của các bước, các bậc và đăng sau nó còn ẩn chứa một tầng sâu về ý nghĩa, nhằm tái hiện mối quan hệ logic của các sắc thái tình cảm, biểu lộ sự nhất trí, đồng lòng của đôi bên trong cuộc hát.

3.2.3. Cách dùng đại từ nhân xưng trong xường giao duyên

Qua khảo sát, phân tích, luận án cho rằng, cách dùng đại từ nhân xưng trong xường giao duyên in đậm dấu ấn môi trường diễn xướng, in đậm dấu ấn dân tộc. Cách dùng đại từ nhân xưng cũng góp phần tạo nên nét đặc sắc của xường giao duyên.

3.3. Thể thơ

Trước khi trình bày về thể thơ của xường, luận án đã phân tích quan niệm và kiểu tư duy về thơ của người Mường. Xường giao duyên được sáng tác, xuất phát trước tiên từ nguyên tắc giao tiếp trực tiếp: Dùng lời ca làm phương tiện để trao đổi, bày tỏ tâm tình. Do đó các yếu tố thuộc hoàn cảnh, điều kiện sáng tác, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian đã chi phối sự hình thành và ra đời của một thể thơ.

Qua phân tích và so sánh, luận án rút ra một số nhận xét sau:

- Thể thơ của xường giao duyên là thể thơ tự do. Các câu thơ dài, ngắn không có chừng, số tiếng trong một dòng thơ không có sự quy định.

- Vần trong xường giao duyên có cả vần chân và vần lưng, nhưng chủ yếu là vần lưng. Vần xuất hiện không theo chu kỳ, có thể xuất hiện ở nhiều dòng liên tiếp, nhưng cũng có thể bỏ cách quãng một số dòng không có vần. Cách gieo vần cũng rất linh hoạt: vần lưng ở các vị trí rất đa dạng, không bó buộc.

- Nhịp trong xường giao duyên không theo chu kỳ, có cả nhịp chẵn và nhịp lẻ, số lượng âm tiết của nhịp chẵn và nhịp lẻ không có sự quy định. Phần lớn, sự ngắt nhịp trong xường giao duyên thường tương ứng với những nhóm từ. Yếu tố ngữ nghĩa đi cùng nhịp, vừa là nhịp ngữ nghĩa vừa là nhịp ngữ âm tạo nên một tiết tấu dần trải, khoan thai. Tiết tấu ấy phù hợp với hát lời thương, lời nhớ, thể hiện sự khiêm tốn, tâm trạng luôn băn khoăn, phấp phỏng, hy vọng về tình yêu.

Nhịp điệu, tiết tấu của xường như vậy đã tạo nên âm hưởng của làn điệu xường âm vang mẽnh mang, trầm lắng, nhẹ nhàng, bình dị.

- Lời thơ của xường trong sáng, giản dị, làn điệu xường có hồn, bởi người hát xường là những người đang muốn yêu. Qua giọng hát, có thể hình dung được tâm hồn, tính cách của con người. Làn điệu xường vì thế vừa là nét nhạc của lời ca, vừa là nét nhạc của lòng người.

Như vậy, cái làm nên sức sống của một thể thơ chủ yếu là khả năng thâm nhập, diễn tả tâm hồn tính cách của con người. Hồn thơ xường giao duyên của người Mường là một hồn thơ mộc mạc mà sâu sắc, giản dị mà tinh tế, khiêm nhường, kín đáo, không rực rỡ lấp lánh ở ngôn từ mà chùng mực hướng vào chiều sâu nội tâm. Hồn thơ ấy rất phù hợp với việc trao gửi, bày tỏ tâm tình, thổ lộ tình yêu lứa đôi của các chàng trai, cô gái Mường.

KẾT LUẬN

1. Xường là một thể loại dân ca tiêu biểu, một di sản văn hóa phi vật thể vốn tồn tại phổ biến và chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của đồng bào Mường. Cùng với các thể loại khác như sử thi, truyện thơ, xường đã góp phần tạo nên diện mạo văn học dân gian Mường, một nguồn văn học dân gian vừa phong phú về mặt thể loại, vừa đồ sộ về số lượng và đa dạng về phong cách thể

hiện. Nguồn văn học dân gian giàu có ấy đã góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Mường trong bản sắc chung của văn hóa Việt Nam.

2. Miền núi Thanh Hóa là một khu vực có người Mường tập trung cư trú đông từ lâu đời. Trong quá trình phát triển, người Mường Thanh Hóa đã sáng tạo và lưu giữ một tài sản văn học dân gian phong phú, góp phần tạo nên sắc thái văn học dân gian xứ Thanh trong tổng thể sắc thái chung của văn học dân gian của tộc người Mường trên cả nước.

Trong số những giá trị văn học dân gian của người Mường Thanh Hóa, nổi lên khá tiêu biểu là thể tài xường giao duyên bởi tính độc đáo, sức hấp dẫn và khối lượng khá đồ sộ cũng như quy trình diễn xướng chặt chẽ của nó.

Xường giao duyên có một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Mường. Với chức năng sinh hoạt xã hội là giao duyên, nó thực sự là phương tiện trao đổi bày tỏ tình yêu lứa đôi của các chàng trai, cô gái Mường, đồng thời còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa văn nghệ hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu văn hóa thẩm mỹ của người Mường.

Trình tự diễn xướng của cuộc xường là một mô hình tiêu biểu khá điển hình cho dân ca giao duyên, mà có thể nói, cho đến nay, nhiều tộc người không còn giữ được thứ lớp trùng điệp và qui trình chặt chẽ như vậy. Mô hình ấy vừa đảm bảo tính thống nhất, tính truyền thống của cộng đồng, vừa đảm bảo cho những sáng tạo cá nhân. Từ đó cho ta thấy rõ đặc điểm riêng trong mô hình một cuộc xường giao duyên của người Mường Thanh Hóa.

Tính truyền thống, lặp đi lặp lại, là điểm nổi bật trong mô hình một cuộc xường giao duyên của người Mường Thanh Hóa. Do đó, trong mối quan hệ giữa ứng tác cá nhân và truyền thống thì truyền thống cộng đồng đã chi phối và qui định cả khuôn khổ cho những ứng tác cá nhân. Điều này đã tạo nên tính ổn định, khá thống nhất trong kết cấu văn bản xường giao duyên của người Mường Thanh Hóa, mặc dù trong thực tế, xường giao duyên không chỉ tồn tại qua một văn bản.

Về nội dung, xường giao duyên đã phản ánh sâu sắc, thấm thía, chân thực những biểu hiện phong phú những cung bậc, sắc thái tình cảm của tình yêu lứa đôi; khái quát hoá quá trình nảy sinh và phát triển của tình yêu; thể hiện một cách

nhìn, một quan niệm tiến bộ, một thái độ hết sức nghiêm túc của người Mường về tình yêu và hôn nhân gia đình. Xường giao duyên là tiếng hát ngọt ngào, sâu lắng cất lên từ trái tim của những con người giàu lòng nhân ái và khát vọng tình yêu, luôn coi trọng tình nghĩa hơn mọi thứ của cải vật chất, thủy chung trong mọi mối quan hệ tình cảm gia đình và xã hội.

Về phương thức thể hiện, ta có thể nhận ra những giá trị, những đóng góp của nó cho văn học dân gian của tộc người Mường cũng như loại hình dân ca giao duyên của các tộc người trong cả nước.

Xường giao duyên đã thể hiện trọn vẹn, nhất quán quan niệm về tình yêu; khái quát các bước phát triển của con đường tình yêu; đã sáng tạo hình tượng một dòng thời gian vừa đảm bảo yêu cầu diễn xướng của thể loại, vừa có nhịp điệu vận động đậm đà sắc thái văn hóa tộc người. Các hình thức tổ chức không gian nghệ thuật trong tường giao duyên luôn làm nổi bật tâm trạng con người, thấu hiểu, chia sẻ và mang nỗi niềm tâm sự của con người.

Xường giao duyên đã vận dụng loại thơ tự do đạt hiệu quả thẩm mỹ, vận dụng các thủ pháp truyền thống, nhất là trùng điệp, so sánh ví von... tạo thành tiếng thơ mộc mạc, hồn nhiên, nồng nàn, tha thiết và âm vang nhẹ nhàng, lắng đọng phù hợp với hát lời thương lời nhớ.

Nghiên cứu các vấn đề thuộc phương thức thể hiện của tường giao duyên ta có thể nắm bắt được cái "lý" của các hình thức thể hiện, có thể thâm nhập vào cách tư duy của người Mường để nhận biết, khám phá cái hay, cái độc đáo của tường giao duyên. Trong chỉnh thể thế giới nghệ thuật của tường giao duyên luôn có sự kết hợp hòa nhuyễn của đặc trưng loại hình - dân ca giao duyên, với những yếu tố thuộc về nếp cảm, nếp nghĩ, nếp sinh hoạt văn hóa truyền thống lâu đời của tộc người Mường. Do đó, khi câu hát cất lên, một mặt ta cảm nhận được ngay tiếng tường giao duyên của người Mường giữa những tiếng hát giao duyên phong phú đa dạng của các tộc người anh em. Mặt khác, lại vẫn nhận ra cái nét phổ quát chung của đặc trưng loại hình dân ca giao duyên. Chính sự kết hợp đó đã làm nên sức sống và giá trị của nó. Với ý nghĩa đó, tường giao duyên của người Mường Thanh Hóa thực sự là sáng tạo văn hóa của các thế hệ người Mường.

3. Trong việc nghiên cứu tường giao duyên, văn bản - thành phần cốt lõi của văn học dân gian đã có vai trò rất quan trọng. Bởi vì hiện nay, chúng ta không còn có điều kiện trực tiếp chứng kiến hình thái sinh hoạt thực tiễn của tường giao duyên như nó đã diễn ra trong cuộc sống của người Mường trước đây. Văn bản tường giao duyên đã in đậm nét những yếu tố ngoài văn bản. Việc tiếp cận văn bản đã dẫn đến nhu cầu phải vận dụng, phối hợp các phương pháp (cả chuyên ngành và liên ngành) để phân tích, lý giải làm sáng rõ cả bản chất xã hội và bản chất nghệ thuật của tường. Những vấn đề có tính chất lý luận đã được soi sáng và thuyết phục bởi nhiều yếu tố ngoài văn bản như: Hoàn cảnh, điều kiện sáng tác, sinh hoạt văn hóa văn nghệ dân gian, phong tục tập quán, đặc điểm tâm lý tính cách... của tộc người. Theo hướng tiếp cận đó, ta có thể nắm bắt được giá trị của tường giao duyên, cũng như các tác phẩm văn học dân gian từ trong chiều sâu "đời sống" của nó. Bởi vì, đằng sau nó chính là con người. Con người là chủ thể sáng tạo văn hóa.

4. Tường giao duyên của người Mường Thanh Hóa vừa có nét riêng độc đáo, vừa phản ánh cái chung trong sinh hoạt tường của người Mường trên cả nước. Vì vậy, những tư liệu sưu tầm, điều tra thực địa về tường giao duyên của người Mường Thanh Hóa là tư liệu quý đối với ngành nghiên cứu văn học, văn hóa dân gian Việt Nam, đồng thời thiết thực góp phần làm phong phú nguồn di sản dân ca tường của tộc người Mường ở nước ta.

5. Ngày nay, trên các vùng Mường Thanh Hóa, cũng như các vùng Mường khác của cả nước, diễn xướng sinh động của tường giao duyên không còn phổ biến nữa. Một phần quan trọng là nó đã mất chức năng sinh hoạt xã hội, mặt khác là do điều kiện, hoàn cảnh sáng tác, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, nhu cầu thị hiếu thẩm mỹ, nhịp độ cuộc sống... của người Mường ngày nay đã có nhiều biến đổi khác xa ngày trước. Nhưng tiếng tường giao duyên vẫn không mất đi trong tâm thức của tộc người Mường.

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, trữ lượng văn hóa, văn nghệ dân gian cổ truyền của các tộc người đều rất đa dạng, phong phú. Việc nghiên cứu các hình

thức văn hóa, văn nghệ dân gian cổ truyền các tộc người là nhiệm vụ sẽ mãi mãi tiếp tục.

Để góp phần bảo tồn và phát huy xường - một tài sản văn học dân gian cổ truyền quý của tộc người Mường, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Trước hết, cần nhận thức được những nguy cơ bị mai một và những điều bức thiết trong thực tế hiện nay để điều chỉnh công việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và phát huy xường. Hầu hết những nghệ nhân xường hiện nay đã ở độ tuổi ngoài bảy mươi. Trong thời gian không xa nữa, những người già mất đi là sẽ mang theo một kho tư liệu quý. Vì vậy, cần tập trung "kiểm kê" tư liệu về xường để xác định những công việc tiếp theo còn phải làm.

Cần khuyến khích những công trình sưu tầm, nghiên cứu về xường và tổ chức các cuộc hội thảo về xường, nhất là ở các địa phương, các tỉnh có người Mường tập trung cư trú đông. Như vậy là thiết thực khơi dậy lòng tự hào, trân trọng nguồn di sản xường của người Mường.

Tôn trọng và huy động tối đa sức sáng tạo xường, cũng là sáng tạo văn hóa của người Mường. Các làng, các địa phương có người Mường cư trú đông nên thành lập câu lạc bộ xường. Những nghệ nhân xường sẽ là nòng cốt trong việc trao truyền vốn xường cho các thế hệ con cháu.

Bổ sung vào tiêu chuẩn làng văn hóa một tiêu chuẩn về giữ gìn, bảo tồn và phát huy xường đối với những làng có tỷ lệ người Mường đông nhất so với các tộc người khác cùng cộng cư.

Cần có chính sách tôn vinh các nghệ nhân để huy động nhiệt tình, tâm sức của họ vào công cuộc sưu tầm, giữ gìn và phát huy tài sản văn hóa, văn nghệ dân gian của các tộc người Việt Nam tránh khỏi sự mai một.